

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CN
TỈNH CM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 6 - 2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CN, TỈNH CM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn A Đam

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Văn Hành

Ông: Nguyễn Văn Mầm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CN, tỉnh CM.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018. Về việc *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Kim Ph - Sinh năm 1982 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp Năm Đăm, xã Lương Thế Trân, huyện CN, tỉnh CM.

- Bị đơn: Anh Lê Quốc T - Sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp Năm Đăm, xã Lương Thế Trân, huyện CN, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Về hôn nhân: Chị Hồ Kim Ph và anh Lê Quốc T kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Thế Trân, huyện CN, tỉnh CM. Sau khi kết hôn, chị Ph và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến không hòa thuận, anh T không quan tâm, chăm sóc đến gia đình. Chị Ph và anh T đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị Hồ Kim Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Quốc T.

- Về con chung: Chị Ph và anh T có với nhau 02 người con chung tên là Lê Khánh B, sinh ngày 28 - 9 - 2006 và Lê Khánh ph, sinh năm 09 - 9 - 2014, hiện

nay con đang sống chung với chị Ph. Sau khi ly hôn chị Ph yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị Ph yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Chị Ph và anh T có tài sản chung gồm 09 chỉ vàng 24k, hiện nay anh T đang quản lý. Tại phiên tòa chị Ph xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung để chị và anh T tự thỏa thuận. Chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung giữa chị và anh T.

- *Về nợ chung*: Chị Ph xác định trong thời gian chung sống chị và anh T không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Tranh chấp giữa chị Hồ Kim Ph và anh Lê Quốc T là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Anh T có địa chỉ tại ấp Năm Đám, xã Lương Thế Tr, huyện CN, tỉnh CM. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị Ph và anh T kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Thế Tr, huyện CN, tỉnh CM. Do đó, hôn nhân của chị Ph và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị Ph và anh T thực sự có xảy ra trong thời gian dài không thể hàn gắn được, chị Ph và anh T đã sống ly thân với nhau từ năm 2015. Tại phiên tòa, chị Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Anh T không tham gia phiên tòa, không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của chị Ph.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chị Ph có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị Ph đã được Tòa án nhân dân huyện CN, tỉnh CM thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện CN, tỉnh CM tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện CN căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập anh T hợp lệ đến lần thứ hai với nội dung triệu tập anh T đến Tòa án nhân dân huyện CN để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh T. Anh T không đến Tòa án để

hòa giải và tham dự phiên tòa, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Ph đối với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Lê Khánh B đã trên 07 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, sau khi vợ chồng ly hôn Tòa án xem xét nguyện vọng của các con mà giao cho người vợ hay người chồng trực tiếp nuôi. Hiện tại cháu B đang sống chung với chị Ph đã ổn định về đời sống và tâm lý. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 – 5 – 2018 đối với Lê Khánh B của Tòa án nhân dân huyện CN, cháu B trình bày nguyện vọng sau khi chị Ph và anh T ly hôn cháu muốn được sống với mẹ là chị Ph, đây là ý chí tự nguyện của cháu B nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với cháu Lê Khánh ph, đến ngày xét xử sơ thẩm đã trên 03 tuổi nhưng chưa đủ 07 tuổi, anh T đã được thông báo về việc chị Ph yêu cầu ly hôn với anh và yêu cầu nuôi con chung nhưng anh T không có ý kiến và cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu của chị Ph. Từ khi chị Ph và anh T sống ly thân đến nay cháu Ph sống chung với chị Ph đã ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Ph. Giao cháu Lê Khánh ph, sinh ngày 09 – 9 – 2014 cho chị Ph tiếp tục nuôi.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tại phiên tòa, chị Ph yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu B và cháu ph đủ 18 tuổi. Xét thấy, yêu cầu của chị Ph là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng/tháng/người, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu B và cháu ph đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện chị Ph yêu cầu Tòa án giải quyết chi tài sản chung gồm 09 chỉ vàng 24k. Tại phiên tòa chị Ph xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung của chị và anh T là 09 chỉ vàng 24k để chị và anh T tự thỏa thuận. Do chị Ph rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Ph đối với anh T theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Chị Ph xác định trong thời gian chị và anh T chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh T vắng mặt không có ý kiến về tài sản và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Ph phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28; 35; 39; 147, 218, 227, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Hồ Kim Ph được ly hôn với anh Lê Quốc T.

Về con chung: Giao cháu Lê Khánh B, sinh ngày 28 – 9 – 2006 và anh Lê Khánh ph, sinh năm 09 – 9 – 2014 cho chị Hồ Kim Ph tiếp tục nuôi, anh Lê Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng)/người. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu Lê Khánh B và Lê Khánh ph đủ 18 tuổi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chậm cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Kim Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Ph có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 405.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004314 ngày 03 – 4 – 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CN, sau khi đối trừ chị Ph được nhận lại số tiền 105.000 đồng, nhận tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CN. Anh Lê Quốc T phải chi 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CN.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chỉ Hồ Kim Ph có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Quốc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT tỉnh CM;
- VKSND huyện CN;
- Chi cục THADS huyện CN;
- Đường sự;
- UBND xã Lương Thế Tr, huyện CN;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn A Đam